

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HN&GD-ST

Ngày: 18/6/2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Lan

2/ Ông Nguyễn Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18/12/2017 “về việc ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 08/6/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn T, sinh năm 1969 (có mặt);

- *Bị đơn:* bà Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Đều địa chỉ: thôn P, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện B, ông Nguyễn T (nguyên đơn) trình bày:

Ông T và bà Huỳnh Thị Thanh H đã chung sống từ năm 1988 sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 26/10/1988 âm lịch nhưng cho đến nay giữa ông và bà H không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung vợ chồng có với nhau được 03 con chung. Từ năm 2000 vợ chồng sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn với lý do ông làm kinh tế về đưa tiền cho bà H lo cho gia đình nhưng bà H nói ông không làm ra tiền, không lo cho gia đình, bà H tự suy diễn ông ngoại tình, từ đó bà H hắt hủi ông và vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và không còn sống chung với nhau 6 năm nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: giữa ông và bà H có 03 con chung là Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 24/10/1989 (đã chết năm 2008), Nguyễn Minh Th, sinh ngày 24/6/1996 và Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 24/10/1997, hiện nay hai con đã trưởng thành không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: ông và bà H tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: ông và bà H có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Dung Quất số tiền 30.000.000 đồng để ông làm ăn. Tuy nhiên sau khi ông nộp đơn khởi kiện thì ông đã trả nợ xong cho ngân hàng nên nay không còn nợ ai và cũng không ai nợ ông và bà H.

Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm./.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2018, bà Huỳnh Thị Thanh H (bị đơn) trình bày:

Bà và ông T sống chung từ năm 1988 sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Trong quá trình sống chung vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc với lý do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông có tình cảm hết người phụ nữ này đến người phụ nữ khác, không còn quan tâm gì đến bà. Vì con cái nên bà phải chịu đựng và để ông muốn làm gì thì làm. Nay ông T yêu cầu ly hôn, thực tế thì bà cũng đồng ý nhưng bà không muốn ly hôn trong lúc này, việc đó sau này giải quyết sau, ông T muốn làm gì thì làm bà không quan tâm.

Về con chung: bà thống nhất như lời trình bày của ông T.

Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung nhưng bà cũng chưa yêu cầu Tòa giải quyết, ông T muốn làm gì thì làm, bà không biết đến.

Về nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Ý kiến của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chấp hành không đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Thanh H sau khi tìm hiểu, yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 1988 cho đến nay nhưng hai bên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ vào Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 28, 35, 39, 147, 189 và Điều 203, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng đối với ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Thanh H.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, buộc ông Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: bà Huỳnh Thị Thanh H vắng mặt không đến Tòa án để trình bày và nghe Tòa án xét xử vụ án, bà từ chối nhận tất cả văn bản tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ và tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đầy đủ cho bà H theo đúng quy định của pháp luật nên Tòa án có cơ sở xét xử vắng mặt bà H phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của ông T thì Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 “về việc ly hôn”.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Thanh H sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định mặc dù Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có quy định trong thời gian những cặp vợ chồng chưa đăng ký kết hôn thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn nhưng ông T và bà H không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai xác định vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc và không còn sống chung với nhau. Xét thấy quan hệ giữa ông T và bà H sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay họ cũng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH 10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 không công nhận ông T và bà H là quan hệ vợ chồng.

[4]. Về con chung: ông T và bà H đều thống nhất có ba con chung là Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 24/10/1989 (đã chết năm 2008), Nguyễn Minh Th, sinh ngày 24/6/1996 và Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 24/10/1997. Hai con hiện nay đã trưởng thành nên hai bên đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: hai bên đương sự chưa yêu cầu Tòa giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Theo đơn khởi kiện cũng như thông báo thụ lý vụ án thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tham gia giải quyết vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập và xác định ông Nguyễn T đã thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng nên Tòa án không đưa ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vào tham gia tố tụng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí buộc ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, 35, 147, 235, 241, 264 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điểm b Khoản 3 nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Thanh H là quan hệ vợ chồng.

2/ Về con chung: ông T và bà H đều thống nhất có ba con chung là Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 24/10/1989 (đã chết năm 2008), Nguyễn Minh Th, sinh ngày 24/6/1996 và Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 24/10/1997. Hai con hiện nay đã trưởng thành nên hai bên đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

3/ Về tài sản chung: hai bên đương sự chưa yêu cầu Tòa giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn): 300.000 đồng ông Nguyễn T có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng ông Thu đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002437 ngày 15/12/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Phong